

# VÀI NÉT VỀ SỰ TƯƠNG ĐỒNG TRONG ẪN DỤ TỪ VỰNG CÓ THÀNH TỐ PHỤ LÀ TỪ NGỮ CHỈ BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI

SOME SIMILARITIES OF LEXICAL METAPHOR WITH COMPONENTS  
HAVING WORDS TO DESCRIBE BODY PARTS

NGUYỄN HOÀNG LINH

(ThS- NCS; Trường THPT Thái Nguyên, DHSP Thái Nguyên)

**Abstract:** Research about similarities of lexical metaphor with components with words describing body parts, we have established 4 sorts of fundamental analogies: the shape, position, feature, and colour. From that, readers may perceive how Vietnamese people have observed and thought about objective world more specifically.

**Key words:** metaphor; analogy; body parts word.

## 1. Đặt vấn đề

Trong nghiên cứu về ẩn dụ truyền thống, các tác giả thường chỉ tìm hiểu các ẩn dụ từ vựng có từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người ở vị trí trung tâm, như là: *đầu núi, chân bàn, chân ghế...* mà gần như chưa có nhà nghiên cứu nào đi sâu vào tìm hiểu các ẩn dụ từ vựng có từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người ở vị trí phụ, như là *giun tóc, quần đùi, tàu há mồm, váy liền thân...* Vì vậy, trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi sẽ bước đầu tìm hiểu một số kiểu tương đồng của ẩn dụ từ vựng có từ ngữ chỉ bộ

phận cơ thể người ở vị trí phụ (trong các từ điển). Qua đó, chúng tôi hi vọng sẽ giúp người đọc hiểu hơn về đặc điểm của các ẩn dụ từ vựng có chứa từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người.

## 2. Kết quả khảo sát và nhận xét

### 2.1. Kết quả khảo sát

Khảo sát các ẩn dụ từ vựng trong các cuốn từ điển tiếng Việt [6] chúng tôi đã thống kê được 210 ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người, cụ thể như sau:

*Thứ nhất, số lượng ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người*

**Bảng 1. Ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người**

| STT | Từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người                        | Lượt xuất hiện | STT | Từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người           | Lượt xuất hiện |
|-----|--|----------------|-----|---|----------------|
| 1   | Đầu ( <i>cổ đầu tròn, cổ bạc đầu</i> )                 | 22<br>(10,72%) | 25  | Râu ( <i>bọ râu lược, cây hoa râu</i> )   | 3 (1,42%)      |
| 2   | Tay ( <i>sổ tay, quạt tay, búa tay</i> )               | 15<br>(7,14%)  | 26  | Móng ( <i>lá móng tay, hổ móng</i> )      | 3 (1,42%)      |
| 3   | Cổ ( <i>áo cổ tròn, áo cổ tim</i> )                    | 12<br>(5,71%)  | 27  | Mạch ( <i>long mạch, địa mạch</i> )       | 2 (0,95%)      |
| 4   | Miệng, môi, mồm ( <i>đàn môi, trai ngọc môi vàng</i> ) | 10<br>(4,76%)  | 28  | Sọ ( <i>khoai sọ, tiêu sọ</i> )           | 2 (0,95%)      |
| 5   | Răng ( <i>bánh răng, dao xọc răng</i> )                | 10<br>(4,76%)  | 29  | Mật ( <i>cây gụ mật, cây song mật</i> )   | 2 (0,95%)      |
| 6   | Xương ( <i>cây xương bó, dây đau xương</i> )           | 9<br>(4,28%)   | 30  | Vú ( <i>cây vú sữa</i> )                  | 2 (0,95%)      |
| 7   | Mặt ( <i>lá mặt, cây mặt quỷ</i> )                     | 9<br>(4,28%)   | 31  | Mông ( <i>củ mông, cây mặt mông hoa</i> ) | 2 (0,95%)      |
| 8   | Ruột ( <i>chùm ruột, bao ruột tưng</i> )               | 9<br>(4,28%)   | 32  | Bắp ( <i>cây bắp cải, ong bắp cây</i> )   | 2 (0,95%)      |

|    |  |              |              |                                |                   |
|----|--|--------------|--------------|--------------------------------|-------------------|
| 9  | Tai ( <i>mũ tai bèo, ốc tai</i> )                  | 8<br>(3,80%) | 33           | Dạ ( <i>cây dạ cảm</i> )       | 1 (0,47%)         |
| 10 | Gan ( <i>hăm gan, sùng gan</i> )                   | 8<br>(3,80%) | 34           | Gáy ( <i>nóng gáy</i> )        | 1 (0,47%)         |
| 11 | Thân ( <i>áo tứ thân, váy liền thân</i> )          | 7<br>(3,33%) | 35           | Ngực ( <i>áo ngực</i> )        | 1 (0,47%)         |
| 12 | Máu, tiết ( <i>cây ngải máu, cây huyết dụ</i> )    | 7<br>(3,33%) | 36           | Mỡ ( <i>tham mỡ</i> )          | 1 (0,47%)         |
| 13 | Lưng ( <i>vằn lưng, thắt lưng da</i> )             | 7<br>(3,33%) | 37           | Đùi ( <i>quần đùi</i> )        | 1 (0,47%)         |
| 14 | Chân ( <i>vằn chân, bón tiền chân</i> )            | 6<br>(2,85%) | 38           | Sườn ( <i>sát sườn</i> )       | 1 (0,47%)         |
| 15 | Tóc ( <i>giun tóc, cỏ tóc tiên</i> )               | 5 (2,38)     | 39           | Lườn ( <i>ghe lườn</i> )       | 1 (0,47%)         |
| 16 | Da ( <i>cây xum da, cây da gai</i> )               | 4<br>(1,90%) | 40           | Gót ( <i>theo gót</i> )        | 1 (0,47%)         |
| 17 | Bụng ( <i>tốt bụng, trúc bụng phạt</i> )           | 4<br>(1,90%) | 41           | Họng ( <i>riều có họng</i> )   | 1 (0,47%)         |
| 18 | Nách ( <i>áo sát nách, chỗi nách</i> )             | 4<br>(1,90%) | 42           | Trán ( <i>ghẹ trán trắng</i> ) | 1 (0,47%)         |
| 19 | Mắt ( <i>cây mù mắt, tào mắt</i> )                 | 4<br>(1,90%) | 43           | Hông ( <i>đá hông</i> )        | 1 (0,47%)         |
| 20 | Vai ( <i>riều có vai, áo vai bông</i> )            | 4<br>(1,90%) | 44           | Lưỡi ( <i>riều lưỡi xéo</i> )  | 1 (0,47%)         |
| 21 | Khớp ( <i>góc ăn khớp, nhọc trái khớp lá mác</i> ) | 4<br>(1,90%) | 45           | Má ( <i>rau má</i> )           | 1 (0,47%)         |
| 22 | Phối ( <i>bao phối, cây hoa phối</i> )             | 3<br>(1,42%) | 46           | Tim ( <i>ú tim</i> )           | 1 (0,47%)         |
| 23 | Não ( <i>mã não, cây long não</i> )                | 3<br>(1,42%) | 47           | Mũi ( <i>ngói mũi hài</i> )    | 1 (0,47%)         |
| 24 | Lông ( <i>cây hài lông, mã tiền lông</i> )         | 3<br>(1,42%) | <b>Tổng:</b> |                                | <b>210 (100%)</b> |

Với 47 từ chỉ bộ phận cơ thể người mà các ẩn dụ từ vựng sử dụng ở vị trí phụ, chúng tôi đã thống kê được 210 ẩn dụ. Từ chỉ bộ phận cơ thể người được sử dụng nhiều hơn cả là từ *đầu* với 2 lượt, chiếm 10,72%, từ *tay* với 15 lượt, chiếm 7,14%... Các từ chỉ bộ phận cơ thể người ít được người Việt sử dụng vào vị trí phụ trong các ẩn dụ từ vựng như là: *sọ, mắt, vú, móng*,... chỉ xuất hiện 2 lượt, chiếm 0,95%. Các từ chỉ bộ phận cơ thể người xuất hiện ít nhất trong vị trí phụ ở các ẩn dụ từ vựng là: *trán, hông, lưỡi, má, đùi, sườn, lườn*,... chỉ xuất hiện 1 lượt, chiếm 0,47%.

**Thứ hai, các cách kết hợp của ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người**

Đối với các ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người thì việc kết hợp cá nhân từ ấy với một hay nhiều yếu tố khác phong phú hơn so với các kiểu kết hợp của ẩn dụ từ vựng có thành tố trung tâm là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người. Từ kết quả khảo sát, chúng tôi phân loại các kiểu kết hợp của ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người thành 5 kiểu. Gọi chung các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người là A' thì ta có các kiểu kết hợp:

Danh từ + A'; Động từ + A'; Tính từ + A'

Danh từ + A' + động từ; Danh từ + Á + tính từ

**Bảng 2.** Một số kiểu kết hợp của ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người

| STT          | Kiểu kết hợp   | Lượt xuất hiện    |
|--------------|--|-------------------|
| 1            | Danh từ + A'<br>(quần đùi, lá móng tay)                | 156<br>74,28<br>% |
| 2            | Động từ + A'<br>(ở vú, chọc gan)                       | 20<br>9,52%       |
| 3            | Tính từ + A'<br>(bạo phổi, nóng gáy)                   | 16<br>7,61%       |
| 4            | Danh từ + A' + động từ<br>(bánh răng hũa, ong bắp cày) | 12<br>5,71%       |
| 5            | Danh từ + A' + tính từ<br>(bình cổ cong, áo cổ tròn)   | 6<br>2,88%        |
| <b>Tổng:</b> |  | <b>210 (100%)</b> |

Có thể thấy, cũng giống như kết quả khảo sát được ở các kiểu kết hợp của ẩn dụ từ vựng có thành tố trung tâm là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người, trong các kiểu kết hợp của ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người, kiểu kết hợp xuất hiện phổ biến nhất là từ chỉ bộ phận cơ thể người kết hợp với danh từ, có 156 lượt, chiếm 74,28%. Có thể thấy, kiểu kết hợp này khá đơn giản, dễ dàng để gọi tên sự vật, hiện tượng nên được dùng phổ biến như vậy. Kiểu kết hợp ít nhất là từ chỉ bộ phận cơ thể người kết hợp với danh từ và động từ, chỉ có 6 lượt, chiếm 2,88%. Kiểu kết hợp từ chỉ bộ phận cơ thể người với danh từ và động từ cũng như kiểu kết hợp từ chỉ bộ phận cơ thể người với danh từ và tính từ tuy có sự cụ thể hơn (chỉ ra được rõ hơn đặc điểm của sự vật, hiện tượng gọi tên) nhưng chiếm tỉ lệ và số lượt xuất hiện thấp vì nó khó và phức tạp hơn khi kết hợp.

**Thứ ba, các kiểu tương đồng trong ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người**

Với lượng ngôn từ khá phong phú, các ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người chiếm số lượng lớn hơn trong tổng số các ẩn dụ từ vựng chỉ bộ phận cơ thể người nói chung. Nó có 210 ngữ liệu nghiên cứu trong tổng số 409 ngữ liệu thống

kê được. Không những thế, các ẩn dụ có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người lại rất phong phú, đa dạng. Các ẩn dụ này sử dụng 47 từ chỉ bộ phận cơ thể người. Kết quả khảo sát cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.** Các kiểu tương đồng trong ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người

| STT          | Các kiểu loại tương đồng | LXH.              |
|--------------|--------------------------|-------------------|
| 1            | về tính chất             | 87 (41,4%)        |
| 2            | về hình dáng             | 85 (40,4%)        |
| 3            | về vị trí                | 30 (14,2%)        |
| 4            | về màu sắc               | 8 (3,83%)         |
| <b>Tổng:</b> |                          | <b>210 (100%)</b> |

Như vậy, các ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người có kiểu tương đồng về tính chất chiếm lượt xuất hiện nhiều nhất, tới 87 lượt, chiếm 41,42%. Ngay sau đó là kiểu tương đồng về hình dáng cũng được các ẩn dụ từ vựng này sử dụng nhiều với 85 lượt, chiếm 40,47%. Và kiểu tương đồng có ít lượt xuất hiện nhất là kiểu tương đồng về màu sắc, chỉ có 8 lượt, chiếm 3,83%.

## 2.2. Nhận xét

**Một là, các ẩn dụ từ vựng tương đồng về tính chất có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người**

Ẩn dụ từ vựng tính chất, chức năng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người là những ẩn dụ dựa vào sự biểu trưng hóa tính chất; dựa vào điểm tương đồng về tính chất giữa các sự vật, hiện tượng với các bộ phận cơ thể người. Sự tương đồng về tính chất của các ẩn dụ này, theo kết quả khảo sát của chúng tôi là kiểu tương đồng xuất hiện nhiều nhất, với 87 lượt, chiếm 41,42%. Ví dụ:

- *Mắt trong bánh mắt, bạc mắt* chỉ tính chất tương đồng với bộ phận *mắt* của cơ thể con người. *Bánh mắt, bạc mắt* có tính chất tương đồng với trạng thái ánh sáng rõ rệt hoặc mờ mịt của bộ phận *mắt* trên cơ thể người.

- *Mồm trong tàu há mồm* chỉ tính chất tương đồng (há, mồm) với bộ phận *mồm* trên cơ thể người.

- *Chân* trong *kế chân, lái chân* chỉ tính chất tương đồng với bộ phận *chân* trên cơ thể con người. Vì *kế chân, lái chân* chỉ sự tiếp diễn, thay đổi giống như các bước chân của con người.

- *Ruột* trong *con ruột, anh em ruột* chỉ tính chất tương đồng với bộ phận *ruột* trong cơ thể con người. *Anh em ruột* là những người luôn thương yêu nhau, một người gặp chuyện gì là những người kia lo lắng, đau khổ theo giống như các khúc ruột của cơ thể người, một nơi nhỏ bị tổn thương sẽ làm cho cả bộ phận bị ảnh hưởng.

- *Vú* trong *cây vú sữa* chỉ tính chất tương đồng với bộ phận *vú* trên cơ thể người phụ nữ. Vì quả của *cây vú sữa* cũng tiết ra chất nước màu trắng đục, thơm, vị ngọt mát giống như *vú* của người phụ nữ trong thời gian cho con bú cũng tiết ra sữa màu trắng đục, ngọt nhẹ và giàu chất dinh dưỡng.

- *Bắp* trong *cây bắp cải, ong bắp cây* chỉ tính chất tương đồng với bộ phận *bắp* trong cơ thể con người. *Cây bắp cải* có các lá có tính chất cuộn chặt với nhau giống như tính chất của *bắp*, các thớ thịt săn chắc và quần siết với nhau.

*Hai là, các ẩn dụ từ vựng tương đồng về hình dáng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người*

Kiểu tương đồng về hình dáng cũng là một kiểu tương đồng được người Việt chuộng dùng trong các ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người: xuất hiện 85 lượt, chiếm 40,47% (chỉ ít hơn kiểu tương đồng về tính chất 2 lượt xuất hiện). Ví dụ:

- *Mắt* trong *tào mắt* chỉ hình dáng nhỏ, nhọn giống bộ phận *mắt* của con người.

- *Răng* trong *cây răng cưa, lỗ răng phim, dao xọc răng* chỉ nét tương đồng về hình dáng với bộ phận *răng* của cơ thể người. *Răng cưa, lỗ răng phim, dao xọc răng* đều có dạng hình nhấp nhô lên xuống đều giống như hình dáng của những chiếc răng khi được xếp cạnh nhau trong khoang miệng của cơ thể con người.

- *Râu* trong *cây hoa râu* chỉ hình dáng sợi mảnh giống như hình dáng của bộ phận *râu* trên cơ thể con người.

- *Tóc* trong *giun tóc, dây tóc, cỏ tóc tiên* chỉ sự tương đồng về hình dáng so với bộ phận *tóc* trên cơ thể con người. *Giun tóc, dây tóc hay cỏ tóc tiên* đều có dạng sợi mảnh, nhỏ mà mắt kém sẽ khó phát hiện; giống như hình dáng của từng sợi tóc trên cơ thể con người.

- *Phôi* trong *cây hoa phôi* chỉ nét giống về hình dáng với bộ phận *phôi* trong cơ thể con người. Lá của *cây hoa phôi* có dáng thuôn nhỏ một đầu, phình ở giữa giống như hình thức của bộ phận *phôi* của cơ thể con người.

- *Móng tay* trong *lá móng tay* cũng chỉ hình ảnh những chiếc lá giống bộ phận *móng tay* trên cơ thể người.

Thông qua sự tương đồng về hình dáng giữa các bộ phận cơ thể người và sự vật, hiện tượng thì đã có 85 sự vật, hiện tượng được gọi thành tên. Bức tranh ngôn ngữ qua nhóm từ chỉ bộ phận cơ thể người nhờ đó càng trở nên phong phú hơn.

*Ba là, các ẩn dụ từ vựng tương đồng về vị trí có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người*

Sự tương đồng về vị trí của các ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người có 30 lượt, chiếm 14,28%. Có thể kể đến một số trường hợp như:

- *Cổ* trong *bình cổ cong* có sự giống nhau về vị trí với bộ phận *cổ* của cơ thể người. Nếu bộ phận *cổ* của cơ thể người là phần nối giữa đầu và thân thể thì bộ phận *cổ* của bình cũng ở phần nối giữa miệng bình và thân bình.

- *Chân* trong *vấn chân* có nét tương đồng so với bộ phận *chân* của cơ thể người. Nếu bộ phận *chân* của cơ thể người ở vị trí dưới cùng có nhiệm vụ giữ, mang trọng lượng của cả cơ thể thì *vấn chân* cũng có vị trí ở cuối câu, tạo nên điểm nhấn và âm điệu cho câu thơ.

- *Nách* trong *chối nách* có sự tương đồng về vị trí so với bộ phận *nách* của cơ thể con người. *Chối nách* là chồi mọc ở khe giữa thân cây và cành cây giống như *nách* của con người

ở vị trí tạo bởi khoảng không gian giữa cánh tay và thân mình.

Sự tương đồng này tuy có số lượt xuất hiện chỉ ở mức trung bình nhưng trường hợp ẩn dụ từ vựng nào được con người tri nhận thông qua sự tương đồng này cũng rất thú vị.

**Bốn là, các ẩn dụ từ vựng tương đồng về màu sắc có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người**

Ẩn dụ từ vựng màu sắc có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người là những ẩn dụ dựa vào điểm tương đồng về màu sắc giữa các sự vật, hiện tượng với các bộ phận cơ thể người. Sự tương đồng về màu sắc của các ẩn dụ này, theo kết quả khảo sát là kiểu tương đồng xuất hiện ít nhất, với 8 lượt, chiếm 3,83%. Tuy nhiên, đây lại là kiểu tương đồng mà khi nghiên cứu các ẩn dụ từ vựng có thành tố trung tâm là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người không có. Vậy đặc sắc của 8 ẩn dụ này nằm ở đâu? Có thể lấy một số ví dụ như:

- *Đầu trong cây cúc bạc đầu* có sự tương đồng về màu sắc với bộ phận *đầu* trên cơ thể con người. Có thể nói sự tương đồng trong trường hợp này là rất dễ dàng nhận biết. Khi con người ở tuổi cao hoặc ở tình trạng bầm sinh là máu xấu thì tóc sẽ có màu trắng. Người Việt gọi là "*đầu bạc*". *Cây cúc bạc đầu* được gọi như vậy vì có mang màu trắng giống màu của mái tóc bạc.

- *Máu trong cây ngải máu, cây chóc máu, dây máu* có sự tương đồng về màu sắc với *máu* trong cơ thể con người. *Máu* trong cơ thể con người có màu đỏ tươi, để khô sẽ có màu đỏ sẫm, cũng giống như màu của *cây ngải máu, cây chóc máu* và *dây máu*.

Thông qua việc tìm hiểu sự tương đồng của các ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ chỉ bộ phận cơ thể người, chúng tôi muốn chỉ rõ hơn sự phong phú trong bức tranh tri nhận của người Việt. Con người đã lấy chính những bộ phận trên cơ thể mình làm khuôn mẫu và từ đó tìm ra những nét giống nhau giữa những bộ phận của cơ thể người và sự vật, hiện tượng

ngoài cuộc sống để gọi tên những sự vật, hiện tượng ấy. 210 trường hợp ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ chỉ bộ phận cơ thể người đã được gọi tên nhờ các kiểu tương đồng về tính chất, hình dáng và màu sắc.

### 3. Kết luận

Qua việc tìm hiểu sự tương đồng trong các ẩn dụ từ vựng có thành tố phụ là từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người, chúng tôi nhận thấy, so với sự tri nhận các ẩn dụ từ vựng có từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người ở thành tố trung tâm thì sự tri nhận các ẩn dụ từ vựng có từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người ở thành tố phụ đã có phần phức tạp và đòi hỏi sự suy luận nhiều hơn. Chúng tôi cũng bước đầu nhận thấy rằng ở thành tố phụ, mặc dù so về số lượng thì các từ chỉ bộ phận bên trong cơ thể xuất hiện ít hơn các từ chỉ bộ phận bên ngoài cơ thể nhưng đây mới là những từ thể hiện rõ rệt nhất vai trò biểu thị tư tưởng, tình cảm, tính cách của con người Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận. Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb. KHXH, H.
2. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận (ghi chép và suy nghĩ)*, Nxb. KHXH, H.
3. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2011), *Ẩn dụ tri nhận "Con người là cây cỏ" trong ca từ Trịnh Công Sơn*, Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư, số 6 (14), tr.118 - 126.
4. Lê Thị Ánh Hiền (2011), *Sức mạnh của ẩn dụ trong thi ca từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận*, Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư, số 3 (11), tr.25 - 32.
5. Phan Thế Hưng (2007), *Ẩn dụ ý niệm*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 7 (218), tr.9 - 18.

#### Nguồn dẫn liệu:

[6] Các từ điển: *Từ điển đồng nghĩa, trái nghĩa tiếng Việt; Từ điển đồng âm tiếng Việt; Từ điển phương ngữ Việt Nam; Từ điển bách khoa Việt Nam; Từ điển sinh học; Từ điển văn hóa phong tục cổ truyền Việt Nam; Từ điển tiếng Việt, v.v.*